

TÔN GIÁO Ở NƯỚC NGOÀI

VỀ QUÁ TRÌNH PHÁT TRIỂN VÀ VAI TRÒ CỦA PHẬT GIÁO Ở VƯƠNG QUỐC CỔ LAN NA (THẾ KỈ XIII - XVI)

TRẦN XUÂN HIỆP^(*)
TRẦN ĐÌNH HÙNG^(**)

1. Lãnh thổ chính của Lan Na xưa bao gồm 8 tỉnh của miền Bắc Thái Lan ngày nay. Hơn 80% dân số ở miền Bắc Thái Lan thuộc tộc người Tai Yuan, với khoảng 5 triệu người. Người Tai Yuan cũng sinh sống tại phía Bắc của các tỉnh Tak, Uttaradit và Kampeang Phet, và một số nơi thuộc các tỉnh Saraburi, Ratburi và miền tây-bắc của Lào⁽¹⁾.

Những người Yuan đầu tiên đến định cư ở khu vực thuộc Bắc Thái Lan ngày nay được tài liệu ghi lại là từ thế kỉ XI (khoảng năm 1050), nhưng có lẽ còn sớm hơn. Trong suốt hai thế kỉ, khoảng từ năm 1050 đến 1250, nhiều nhóm nhỏ người Yuan đã đến Lan Na từ phía Bắc và phía Đông. Nhóm chính của tộc người Thái đến định cư ở Lan Na được gọi là người Yuan, Yun hay Yôn. Thuật ngữ dân tộc "Yuan" có nguồn gốc từ thuật ngữ của người Xiêm dùng để gọi những người láng giềng phía Bắc của họ. Thuật ngữ Yuan hay Yun cũng được người Miến dùng để gọi người Thái sống ở miền Bắc Thái Lan. Yuan xuất phát từ chữ Pali là Yonaka (vào tiếng Thái chuyển thành Yonok), có thể là dấu vết của chữ Sankrit: Yavana (nghĩa là "người nước ngoài")⁽²⁾. Người Yuan được phân biệt với các nhóm người Thái khác bằng ngôn ngữ và chữ viết của họ.

Theo các nhà nghiên cứu như Hans Penth, Micheal Freeman thì người Tai Yuan chưa có chữ viết khi họ đến Lan Na và cũng không có truyền thống Phật giáo. Trong quá trình mở rộng lãnh thổ, người Tai Yuan đã tiếp xúc với nền văn hóa - văn minh Phật giáo Dvaravati - Hariphunchai của người Mon.

Việc xây dựng truyền thống văn hóa Phật giáo cho vương quốc Lan Na được khởi đầu từ thời trị vì của vua Mangrai - vị minh vương đã sáng lập và đặt cơ sở cho sự phát triển của Lan Na. Dưới thời trị vì của Mangrai (1259-1317), nhiều công trình Phật giáo như chùa (wat) Kan Thom, Mahakassapathera, tháp (cetiya/stupa) Ku Kham, 5 bức tượng Đại Phật thờ ở đền Mahakassapathera, v.v... đã được xây dựng. Vua Mangrai cũng cho mời nhiều vị sư từ Sri Lanka sang

*. ThS., Khoa Khoa học xã hội và Nhân văn, Đại học Duy Tân, Đà Nẵng.

**.. ThS., Khoa Khoa học xã hội và Nhân văn, Đại học Duy Tân, Đà Nẵng.

1. Volker Grabowsky (2004). "The Northern Tai Polity of Lan Na (Babai-Dadian) between the Late 13th to Mid-16th Centuries: Internal Dynamics and Relations with Her Neighbours", Asia Research Institute, Working Paper Series, (17), pp. 2.

2. Hans Penth (1994). *A Brief History of Lan Na: Civilizations of North Thailand*, Silkworm Books, Chiang Mai, pp.39.

Lan Na để giảng đạo, giúp nhà vua tìm hiểu Phật pháp và thực hiện việc sưu tầm kinh Phật. Chẳng hạn, trong lần tiếp kiến 4 vị sư đến từ Sinhala, Sri Lanka (biên niên sử Chiang Mai gọi là Langka), vua Mangrai đã tặng họ 500 đồng tiền vàng cùng lời yêu cầu họ hãy trở lại Sri Lanka để thỉnh kinh Phật sang Lan Na. Bốn vị sư Lanka, dẫn đầu là Mahathera đã thề với Mangrai rằng: “Chúng tôi sẽ mang những lời dạy của Đức Phật sang và phổ biến chúng tại đất nước Lan Na”⁽³⁾.

Các cuộc viễn chinh được Mangrai tiến hành ngoài việc mở mang bờ cõi và khuếch trương ảnh hưởng, còn vì mục đích tôn giáo (như sưu tầm kinh, bảo vật của Phật, thu nhận các vị cao tăng,... để đưa về Lan Na). Trong cuộc viễn chinh tới Hamsavati - một vương quốc của người Mon thuộc Miến Điện, vào các năm 1288 và 1289, Mangrai đã nói với các tướng lĩnh và cố vấn rằng: “Trẫm thề rằng, nếu cuộc hành quân đến Đất nước Mon thành công..., trẫm sẽ cho làm 5 bức tượng Phật thờ tại đền Mahakassapathera và sẽ xây dựng một viharn”⁽⁴⁾. Nhà vua cũng đưa ra một lời thề tương tự khi ông thực hiện cuộc viễn chinh đến Phukam-Ava (vương quốc ở vùng Thượng Miến).

Vua Mangrai đã khởi đầu cho quá trình phát triển hết sức thuận lợi và nhanh chóng của Phật giáo. Thực vậy, sau thời Mangrai, Phật giáo tiếp tục lan tỏa và dần ảnh hưởng sâu sắc đến cư dân Yuan và tầng lớp thống trị Lan Na. Sự thay đổi có ý nghĩa về văn hóa và chính trị này diễn ra khá mạnh mẽ trong suốt thời trị vì của vua Pha Yu (1337 - 1355) và con trai của ông, Kun Na (1355 - 1385). Điểm nổi bật trong thời cai trị của Pha

Yu là sự ủng hộ mạnh mẽ Phật giáo và cho xây dựng ngôi chùa Li Chiang Phra (Wat Phra Singh) với quy mô to lớn. Ông cũng đã xây dựng một ngôi tháp để thờ di hài của vua cha là Phaya Kham Fu.

Thời trị vì của Kun Na diễn ra một cuộc cải cách tôn giáo, đưa đến sự xuất hiện một tông phái Phật giáo mới ở Lan Na. Kun Na đã cho mời một vị sư tên là Sumanathera từ vương quốc láng giềng Sukhothai đến Lan Na vào năm 1369 để giúp ông trở thành một tín đồ Phật giáo Singhalese (tín ngưỡng của người Singhalese, dân tộc chiếm đa số dân cư ở Sri Lanka, nơi được xem là trung tâm của Phật giáo nguyên thủy lúc bấy giờ), thuộc dòng tu Udumburagiri, một dòng tu của các nhà sư tu ở trong rừng⁽⁵⁾. Thoạt đầu, nhà vua đã chọn Lamphun - một trung tâm văn hóa Phật giáo của người Mon trước đây và của người Lan Na ở thời điểm bấy giờ - làm nơi xây dựng để xây dựng tông phái Phật giáo mới.

Theo một bản văn khắc ở Wat Phra Yun (thuộc Lamphun), việc chọn Lamphun thay vì Chiang Mai (kinh đô của Lan Na) làm trung tâm cho tông phái mới đã chứng tỏ tầm quan trọng

3. David K. Wyatt, Wichienkeo Aroonrut (1995). *The Chiang Mai Chronicle*, Silkworm Books, Chiang Mai, pp.39.

4. David K. Wyatt, Wichienkeo Aroonrut (1995). *ibid*, pp.36.

5. Theo tài liệu của Hans Penth, ở Lan Na, chùa được chia làm hai loại tùy thuộc vào vị trí đặt chùa ngay trong khu dân cư hay cách xa nó (ít nhất, theo lí thuyết, là 500 chiều dài cây cung). Những vị sư ở các chùa đóng tại khu dân cư được gọi là những người cư trú ở thành phố (*city dwellers, nagaravās*); những nhà sư ở các chùa xa khu dân cư, nhóm này đông đảo hơn, được gọi là những người cư trú ở rừng (*forest dwellers - arannavās*).

khá bền vững của kinh đô Lamphun xưa, từ thời kì tiền Lan Na đến lúc đó. Micheal Vickery trong bài nghiên cứu “*Cambodia và các nước láng giềng trong thế kỉ XV*” đã cho rằng, sau khi trở thành một bộ phận của Lan Na, Lamphun vẫn giữ vai trò là trung tâm văn hóa - tôn giáo của vương quốc mới (không phải Chiang Mai) ít nhất cho đến đầu thế kỉ XVI⁽⁶⁾. Tuy nhiên, sau khi suy xét, có lẽ nhà sư Sumanathera muốn thoát ra khỏi tầm ảnh hưởng của truyền thống Phật giáo Mon và muốn xây dựng nên một tông phái mới thuần chất Phật giáo Singhalese. Vào năm 1373, Sumanathera đã chuyển thánh tích mà ông mang từ Sukhothai tới chùa Wat Suan Dòk (ngoại ô Chiang Mai), tại đây ông đã sáng lập tông phái Wat Suan Dok theo truyền thống Phật giáo Singhalese.

Sumanathera và các môn đệ ra lệnh cho tất cả tu sĩ trên khắp vương quốc phải tuân theo nghi thức tôn giáo mới. Thậm chí, những vị sư thuộc dòng tu cũ phải cởi trần và phong phẩm lại⁽⁷⁾. Theo Volker Grabowsky, trong khi Wat Phra Yun tượng trưng cho sự liên tục của lịch sử tiền Thái Lan xưa, thì Wat Suan Dòk tượng trưng cho sự liên kết giữa Phật giáo Theravada với nền chính trị của người Yuan⁽⁸⁾. Hans Penth cũng nhận xét: “Vào khoảng năm 1350 hoặc 1375, họ (Yuan) đã phát triển những đặc trưng văn hóa của họ để tạo nên một nền văn hóa mới: nền tảng thuyết hồn linh của người Thái kết hợp với truyền thống Phật giáo nổi trội của người Mon”⁽⁹⁾. Với những việc làm đó, Pha Yu và Kun Na đã thúc đẩy sự lan tỏa mạnh mẽ của Phật giáo và đưa tôn giáo gắn

bó chặt chẽ hơn với đời sống chính trị của vương quốc.

Trong thời kì trị vì của vua Sam Fang Kaen (1401-1442), diễn ra một cuộc cải cách mới của Phật giáo Singhalese. Kết quả của cuộc cải cách này dẫn đến một tông phái mới xuất hiện: *Wat Pa Daeng* hay còn gọi là *Nikai Langkawong*, được truyền bá bên cạnh các tông phái cũ: Wat Suan Dòk, Wat Phrathat Hariphunchai (Wat Phra Yun). Tông phái Wat Pa Daeng được các vua sau thời Sam Fang Kaen ủng hộ nên nhanh chóng phát triển, gây ảnh hưởng hơn cả hai tông phái cũ.

Dưới thời trị vì của vua Tilok (1442-1487), việc liên kết tôn giáo với chính trị được thực hiện mạnh mẽ. Thời điểm này, Tilok đã được tôn vinh là quốc vương vũ trụ/vạn vật (universal monarch, tiếng Pali gọi là *cakravartin*). Ý tưởng *cakravartin* có mối quan hệ gần gũi với khái niệm *dharmaraja* (đại vương: vua - thần) của người Khmer, điều này được minh họa trong một đoạn của Biên niên sử *Jinakalamalipakaranæam* ca ngợi đức vua: “Ông được ban cho đức tính dũng cảm, sự tinh thông và huy hoàng; ông là người có khả năng nhận thức rõ cái gì là tốt với chính mình và với người khác; ông là người thận trọng, trung thành, ngoan đạo và sở hữu sự hiểu biết uyên thâm. Kể từ khi nhận được sự phong

6. Michael Vickery (2003). *Cambodia and its Neighbors in the 15th century*, Paper presented at the “Workshop on Southeast Asia in the 15th Century and the Ming Factor”, Asia Research Institute, 18 July, pp. 30-31.

7. David K. Wyatt, *Wichienkeo Aroonrut* (1995). *ibid*, pp. 64-65.

8. Volker Grabowsky (2004). *ibid*, pp.11.

9. Hans Penth (1994). *ibid*, pp. 39.

thánh, ông được biết tiếng vua vũ trụ Siridhamma, hoàng đế Tilok⁽¹⁰⁾. Tinh thần cakravartin cũng được chứng tỏ qua cái tên đầy đủ của nhà vua là Cao Siridhamma Cakraphat Tilokrarachathirat - “*Chúa tể của dharma, cakravartin, người cai trị cả 3 thế giới, vị vua của các vua*”⁽¹¹⁾. Những điều này cũng đã chứng tỏ sự thắng thế của xu hướng tập quyền nhà nước dưới thời trị vì của Tilok.

Một trong những dấu ấn đỉnh cao của Phật giáo Lan Na là cuộc Kết tập Phật giáo quốc tế lần thứ 8 (Sangayana) vào năm 1477 diễn ra tại Wat Jet Yot gần Chiang Mai nhằm mục đích thanh chỉnh kinh Phật (phù hợp với kinh điển Phật giáo), hạn chế sự sai lạc. Cũng vào năm 1477, Tilok đã cho xây dựng ngôi tháp mộ Phra Maha That tại Lamphun, và cho đúc nhiều chuông và tượng. Thập niên cuối trong thời trị vì của mình, Tilok tập trung vào việc củng cố quyền lực nhà nước và nâng cao vị thế Phật giáo. Ông đã cho xây dựng một số lượng lớn đền tháp trên khắp đất nước, và cho biên soạn bộ kinh Tipitaka bằng tiếng Pali⁽¹²⁾.

Tilok mất vào năm 1487, cháu nội của ông là Yot Chiang Rai (Yot Ciang Hai) kế vị. Tài liệu không cho biết nhiều về thời gian trị vì tương đối ngắn ngủi của vị vua này. Vào năm 1495, Yot Chiang Rai buộc phải nhường ngôi lại cho người con trai 14 tuổi tên là Müang Kaeo. Dưới thời trị vì của Müang Kaeo (1495 - 1526), văn chương Phật giáo bằng tiếng Pali rất thịnh hành. Những tác phẩm Phật giáo nổi tiếng của Lan Na như Jinakalamalipakaranam, Camadevivama và Mulasasana được viết trong thời gian này. Nhà vua ủng hộ việc xây dựng các

tự viện với số lượng chưa từng thấy. Ba tông phái Phật giáo chính ở Lan Na là Wat Suan Dòk, Wat Pa Daeng và Wat Phrathat Hariphunchai đã được hòa giải bởi vua Müang Kaeo. Ba tông phái Phật giáo này đều ủng hộ Müang Kaeo và gọi ông là “*một nhà cai trị công bằng, đạo đức*” (thammikarat)⁽¹³⁾; trong khi đó (như hành động đáp lại), vua đã ban cho các nhà sư nhiều đặc quyền, đặc lợi.

Từ những năm 30 của thế kỷ XVI trở đi, vương quốc Lan Na dần đi vào suy yếu, những cuộc tranh chấp nội bộ diễn ra quyết liệt. Đến năm 1558, Lan Na bị người Miến Điện chinh phục và thống trị. Trong bối cảnh phức tạp ấy, vai trò của Phật giáo Theravada trong đời sống chính trị Lan Na không còn được như trước.

2. Vua Mangrai và các vị vua kế vị đã có những hành động thiết thực nhằm kết hợp hồn linh giáo của người Yuan với Phật giáo. Bằng nhiều cách thức khác nhau như xây dựng nhiều chùa chiền, tháp mộ, đúc tượng Phật, cúng dường đất đai, tài sản cho các chùa, thỉnh kinh và thanh chỉnh kinh Phật, v.v... trong mấy thập niên đầu thế kỷ XIV, đời sống tâm linh của người Yuan đã thay đổi, đưa đến sự phát triển chưa từng có của Phật giáo ở đất nước Lan Na. Đến khoảng giữa thế kỷ XIV, Lan Na đã xây dựng được nền tảng tư tưởng mới cho vương quốc mà trực chủ đạo là Phật giáo Theravada. Một nguồn sử liệu Trung Quốc thế kỷ XIX,

10. Ratanapaúua (1968). *The Sheaf of Garlands of the Epochs of the Conqueror*, being a translation of Jinakalamalipakaranam (translated by N. A. Jayawickrama), Pali Text Society, London, pp. 133-134.

11. Volker Grabowsky (2004), *ibid*, pp. 16.

12. Ratanapaúua (1968). *ibid*, pp. 139.

13. Ratanapaúua (1968). *ibid*, pp. 153.

dựa trên những nguồn sử liệu sớm hơn, cho thấy một hình ảnh khá sinh động về sự thịnh vượng của Phật giáo ở Lan Na:

“Lãnh thổ của Lan Na rộng lớn, các con sông và đồng bằng bao phủ hàng ngàn dặm (dặm Trung Quốc = 0.5 km)... Dân cư địa phương thuộc bộ tộc Bo (hay Baiyi) có hình xăm trang trí giữa mắt và lông mày. Họ hết lòng theo Phật giáo và không thích sự giết chóc. Trong mỗi làng đều có một ngôi chùa, trong chùa có nhiều tháp. Vì vậy, số lượng chùa ở đây lên đến hơn 10.000 cái. Họ chỉ bắt buộc cầm vũ khí chống lại kẻ thù khi bị tấn công. Họ lập tức dừng chiến đấu khi kẻ thù đã bị tiêu diệt. Đó là đất nước được biết đến dưới cái tên phổ biến là *Vùng đất của lòng khoan dung*⁽¹⁴⁾.”

Sự phát triển có ý thức ấy đã đưa Phật giáo lên đến đỉnh cao ở miền Bắc Thái Lan trong các thế kỉ XV, XVI. Nó trở thành tôn giáo độc tôn, là quốc giáo của vương quốc. Đồng thời, từ Lan Na nó “khuếch tán” ra các dân tộc láng giềng. Người Shan ở Thượng Miến, người Khün, người Lü ở Sipsong Panna, người Lào ở vương quốc Lansang đã tiếp nhận Phật giáo (và đi kèm với đó là chữ viết) từ vương quốc Lan Na, làm cho sự phát triển của Lan Na càng có ý nghĩa đối với khu vực.

Đặc biệt, về phương diện chính trị, Phật giáo cũng đóng một vai trò và tầm ảnh hưởng to lớn. Các vị sư uyên bác là những cố vấn đắc lực cho các vị vua. Trong triều đình, bên cạnh quý tộc, quan lại thường có *Sangha* gồm một vài vị cao tăng đóng vai trò là người cố vấn đặc biệt cho nhà vua. Các vị vua khi đứng trước một vấn đề quan trọng của đất

nước như việc phát động chiến tranh,... đều hỏi ý kiến Sangha. Họ đồng thời là những nhà chiêm tinh và là người chủ trì các nghi lễ quan trọng của đất nước. Các vị sư đóng vai trò là người lãnh đạo tinh thần của vương quốc và nâng đỡ linh hồn các vị vua. Cùng với sự phát triển của Phật giáo thì vai trò của các vị sư trong đời sống chính trị vương quốc càng lớn.

Phật giáo có tác động lớn đến sự thay thế các triều vua. Ví như dưới thời cai trị của vua Sam Fang Kaen (1402-1442), ông đã cúng tặng cho Phật giáo một số lượng lớn đất đai và một cuộc cải cách tôn giáo đã diễn ra,... nhưng vào cuối thời cai trị của mình, nhà vua đã quay lưng lại với Phật giáo. Ông quay trở về với “thuyết hồn linh”. Lập tức, ông bị giới lãnh đạo Phật giáo buộc tội là “kẻ tôn thờ ma quỷ”, “đã tôn thờ lùm cây, cây cối, mô đất, phiến đá, rừng núi với việc cúng gia súc và trâu bò”⁽¹⁵⁾. Sau đó, cùng với các quý tộc, họ (cụ thể là tông phái Langkawong) dùng áp lực buộc vua Sam Fang Kaen phải nhường ngôi lại cho con trai của ông là Tilok, một người được giới Phật giáo ủng hộ.

Sau thời Tilok, các vị vua đều được Hội đồng cơ mật gồm các quý tộc đến từ các miền và Sangha bầu chọn ra. Các vị vua sau Tilok như Yot Chiang Rai (1478-1495), Müang Kaeo (1495-1526), Ket Chettatirat (1526-1538), v.v... đều được

14. Liew, Foon Ming (1998). *The Traditional Tai Polity of Lan Na and the Tai Polities Around: An Annotated Translation of a Collection of Records from Chinese Sources covering the from 13th to 18th Centuries*, Hamburg, pp. 13.

15. Ratanapaüua (1968). *ibid*, pp. 128.

chọn theo cách này. Vấn đề người thừa kế ngai vàng từ đó trở đi không còn là công việc nội bộ của hoàng gia nữa.

Đặc biệt, các vị vua luôn có ý thức sâu sắc phải dựa vào sức mạnh tôn giáo - trong trường hợp này là Phật giáo. Và trên thực tế các vị vua đã làm mọi cách để có được “điểm tựa” này. Một trong những cách làm phổ biến nhất là cúng dường đất đai, của cải rộng rãi cho các chùa. Riêng giai đoạn nửa sau thế kỉ XV, sự cúng tặng ruộng đất cho các chùa chiếm một lượng diện tích canh tác đáng kể. Một trong những sự cúng tặng đất đai lớn cho nhà chùa diễn ra vào năm 1402, lúc bắt đầu sự trị vì của vua Sam Fang Kaen. Nhà vua và mẹ của ông đã cúng cánh đồng lúa với diện tích là 21.685 *khao* (*khao* là đơn vị đo lường của Lan Na) và một lượng lớn nông dân (hơn 246 hộ) cho chùa Suwanna Maha Wihan ở Phayao⁽¹⁶⁾ cúng tặng lớn đất đai cho chùa chiền và xây dựng các công trình tôn giáo lớn được thực hiện vào giữa các năm 1476 và 1501, dưới thời trị vì của Tilok, Yot Chiang Rai, và Müang Kaeo.

Theo tài liệu của Saraswadee Ongsakul, có ba biện pháp chính mà các vị vua Lan Na thường áp dụng để kiểm soát các Mường (tương đương với tỉnh) của đất nước: (1) Liên minh với hầu hết các chư hầu quan trọng; (2) Xoay vòng các thủ hiến đến cai trị các Mường khác nhau, hầu hết được thực hiện sau khi một vua mới lên ngôi; (3) Độc quyền trong việc cúng dường của cải, đất đai, v.v... cho các nhà chùa, cơ sở tôn giáo⁽¹⁷⁾. Trong đó, biện pháp thứ ba luôn là biện pháp được các vua Lan Na hết sức coi trọng.

Trước thời trị vì của Müang Kaeo, những thủ hiến được cho phép cúng tặng đất đai (*uthit*), dân tự do (*phrai*) và những nô lệ (*kha* hay *khò*) của họ cho nhà chùa. Những thủ hiến tham vọng đã sử dụng quyền lực của họ để tích lũy công đức tôn giáo, đồng thời qua đó để gia tăng danh tiếng và uy thế chính trị. Tuy nhiên, từ thời trị vì của vua Müang Kaeo (1495-1526) trở đi, mọi việc cúng dường tôn giáo đều phải được nhà vua cho phép. Từ đó, việc cúng dường tôn giáo chỉ dành riêng cho nhà vua hay họ phải thực hiện việc này dưới danh nghĩa, tên tuổi nhà vua. Hans Penth cũng cho biết: “Một vấn đề quan trọng như việc phân định ranh giới dinh cơ Uposatha liên quan đến sự cúng dường tôn giáo (...) phải được đưa bằng mọi con đường đến triều đình hoàng gia, tại đây triều đình sẽ xử lí và trả lại tận nơi đã gửi lên theo kênh chính thức⁽¹⁸⁾”.

Dhida Saraya cũng nhận thấy sự liên kết gắn gũi giữa hiến tặng tôn giáo và khuếch trương quyền lực của nhà vua: “... Nhà cai trị Chiang Mai liên kết với hệ thống tôn giáo, có thể tuyên bố những quyền của ông đối với đất đai. Điều này được củng cố bởi sự cúng dường đất đai. Sự cúng dường đất đai là một trong những phương tiện hữu hiệu và thiết thực giúp nhà vua kiểm soát sự mở rộng đất đai ở vương quốc Chiang Mai hay ít nhất đảm bảo rằng các quyền của nhà vua đối với đất đai đã được thừa nhận. Chỉ nhà vua và hoàng tộc là những người cúng tặng đất đai. Chính nhà vua

16. Volker Grabowsky (2004). *ibid*, pp.54.

17. Saraswadee Ongsakul (1986). *Prawattisat lan na*, Chiang Mai University, Chiang Mai, pp.10.

18. Hans Penth (1994). *ibid*, pp.57.

mới có quyền ban cấp đất đai cho các cá nhân và quan lại khác. Bằng cách đó, họ đã bị ràng buộc với ông⁽¹⁹⁾.

Ở Lan Na, không một vị vua hay thủ hiến nào được phép huy động “*những cư dân (bên ngoài phạm vi quản lí của nhà nước) của các nhà chùa*”, ngoại trừ những trường hợp đặc biệt hoặc trong thời gian chiến tranh. Những người lao động, người chịu trách nhiệm nuôi dưỡng, duy trì nhà chùa được gọi là “*người đầy tớ của các nhà chùa*” (“*kha wat*”) sẽ được miễn lao động khổ sai⁽²⁰⁾. Ngay cả trong thời gian chiến tranh thì một số lượng không nhỏ các *kha wat* phải để ở lại phục vụ các chùa, so với số lượng nhỏ dân tự do (*phrai*) ở lại các mường.

Qua sự hiến tặng đất đai và nhân lực rộng rãi cho Phật giáo, sự phụ thuộc lẫn nhau giữa vua và Sangha có từ thời trị vì của vua Kün Na (1355 - 1385), đến thời Tilok, Müang Kaeo càng trở nên sâu sắc hơn bao giờ hết.

Từ giữa thế kỉ XV, các vị vua không chỉ thiết lập chỗ dựa quyền lực của họ bằng cách chỉ trông chờ vào mạng lưới các mối quan hệ gia đình (trên thực tế dễ tan vỡ), mà còn dựa vào vai trò lãnh đạo tinh thần - tôn giáo và đạo đức của họ như một *cakravartin* hay *dharmaraja*. Dưới thời Tilok, sự sùng bái đối với các di vật, thánh tích của Phật, các nghi lễ và việc tạc những pho tượng Phật thiêng đã được thực hiện với mức độ cao hơn bao giờ hết. Các pho tượng nổi tiếng như Phra Kaeo (Jade Buddha ở Chiang Rai) hay Phra Kaeo Can Daeng (Red Sandalwood Buddha ở Phayao) đã được đưa về và điều

hành khắp thủ đô⁽²¹⁾. Những nghi thức rước Phật long trọng và gây ấn tượng mạnh được thực hiện dưới sự bảo trợ của vua Tilok. Tilok còn bảo trợ các ngôi chùa quan trọng của vương quốc, như chùa Wat Pa Daeng Luang.

Như vậy, đời sống chính trị Lan Na có mối quan hệ hết sức mật thiết với Phật giáo, và có tác động, ảnh hưởng qua lại lẫn nhau. Ý thức về việc cần một công cụ tinh thần để cai trị đất nước của các nhà cầm quyền Lan Na đã đưa đến sự phát triển mạnh mẽ tư tưởng Phật giáo, tiến dần đến sự kết hợp ở mức độ ngày càng sâu sắc chính trị với tôn giáo. Trở lại, Phật giáo trở thành nền tảng tư tưởng chính thống để các vua Lan Na sử dụng nhằm giáo hóa và cai trị nhân dân trong một chuẩn mực đạo đức và trật tự mà bản thân giáo lí Phật giáo đã hàm chứa và được cổ súy, hợp pháp hóa trên toàn bộ vương quốc bằng quyền lực chính trị của vị vua. Hơn nữa, Phật giáo khi đã là hệ tư tưởng độc tôn đối với thần dân và giai cấp thống trị thì nó trở thành điểm tựa chính trị không thể thay thế cho quyền lực của các vị vua Lan Na, hình thành đầy đủ một vị vua dạng *Cakravartin* - quốc vương vạn vật, người nắm cả vương quyền lẫn thần quyền. Quá trình xích lại gần nhau rồi tiến tới hòa hợp cao độ giữa chính trị và tôn giáo đã diễn ra rất “tự nhiên” trong hai thế kỉ sau khi Mangrai sáng lập vương quốc./.

19. Donald K. Swearer (1978). *ibid*, pp. 176.

20. Saraswadee Ongsakul (1986). *ibid*, pp. 12.

21. Ratanapanna (1968). *ibid*, pp. 128.